

BẢNG ĐIỂM KỶ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 27/7/2025

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú	
1	BKCB7709	Phan Trần Thanh	Ái	08/09/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.67	7.5	Đạt	
2	BKCB7710	Trần Thanh	An	02/11/1997	Kiên Giang	7.67	6.17	Đạt	
3	BKCB7711	Đoàn Ngọc Thiên	Ân	01/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	7.0	Đạt	
4	BKCB7712	Bùi Thị Phương	Anh	08/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.5	Đạt	
5	BKCB7713	Dương Đức	Anh	26/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.83	Đạt	
6	BKCB7714	Nguyễn Đình Mai	Anh	08/07/2004	Đồng Tháp	9.67	9.33	Đạt	
7	BKCB7715	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	05/07/2002	Đồng Tháp	5.0	7.0	Đạt	
8	BKCB7716	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	27/01/2003	Lâm Đồng	9.33	5.67	Đạt	
9	BKCB7717	Nguyễn Việt	Anh	04/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	6.83	Đạt	
10	BKCB7718	Nguyễn Việt	Anh	15/04/2003	Hà Giang	7.67	6.83	Đạt	
11	BKCB7719	Phạm Ngọc Minh	Anh	31/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.67	Đạt	
12	BKCB7720	Nguyễn Chí	Ba	13/02/2002	Bình Định	5.33	4.0	Không đạt	Không Ex
13	BKCB7721	Châu Gia	Bảo	24/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.17	Đạt	
14	BKCB7722	Nguyễn Văn Tiến	Bảo	02/09/1989	Khánh Hòa	9.0	10.0	Đạt	
15	BKCB7723	Phạm Vũ	Bảo	28/02/2003	Bình Định	7.67	5.83	Đạt	
16	BKCB7724	Võ Ngọc Quỳnh	Châu	15/10/2004	Quảng Ngãi	7.33	8.17	Đạt	
17	BKCB7725	Nguyễn Minh	Chiến	11/09/2005	Bình Định	9.33	8.67	Đạt	
18	BKCB7726	Nguyễn Thành	Công	23/11/1999	Lâm Đồng	7.0	8.5	Đạt	
19	BKCB7727	Nguyễn Tiến	Đạt	05/12/2004	Đồng Nai				Vắng
20	BKCB7728	Trần Tiến	Đạt	25/06/1999	Phú Yên	9.33	7.17	Đạt	
21	BKCB7729	Đỗ Xuân	Diệu	26/03/1993	Quảng Ngãi	9.33	9.0	Đạt	
22	BKCB7730	Trương Huy	Diệu	22/01/2001	Hà Tĩnh	7.33	9.0	Đạt	
23	BKCB7731	Vũ Tấn	Đức	28/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt	
24	BKCB7732	Mai Thị Thủy	Dung	06/08/2005	Đồng Nai	9.33	8.0	Đạt	
25	BKCB7733	Lê Quan	Dương	01/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	7.67	Đạt	
26	BKCB7734	Cao Thị Khang	Duy	20/02/2003	Cà Mau	6.67	8.5	Đạt	
27	BKCB7735	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/01/1997	Hà Tĩnh	5.0	7.83	Đạt	
28	BKCB7736	Cao Thị Thanh	Giang	28/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.33	Đạt	
29	BKCB7737	Hoàng Văn	Giang	10/07/1998	Đồng Nai	8.67	10.0	Đạt	
30	BKCB7738	Lê Trường	Giang	02/12/2005	Hà Nội	6.33	5.5	Đạt	
31	BKCB7739	Lê Thị	Hà	10/10/1994	Thanh Hóa	8.67	6.0	Đạt	
32	BKCB7740	Nguyễn Ngân	Hà	16/03/2004	Phú Yên	9.67	9.17	Đạt	
33	BKCB7741	Bùi Sỹ	Hải	07/10/2000	Thanh Hóa	6.33	6.5	Đạt	
34	BKCB7742	Nông Thị Ngọc	Hân	01/10/1998	Đồng Tháp	8.0	6.67	Đạt	
35	BKCB7743	Trần Thị Gia	Hân	26/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.83	Đạt	
36	BKCB7744	Trần Thị Ngọc	Hân	29/03/2003	Đắk Lắk	8.33	5.33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
37	BKCB7745	Vũ Ngọc Bích	Hằng	26/02/2004	Bình Thuận	9.67	9.17	Đạt	
38	BKCB7746	Phạm Như	Hào	18/09/2005	Ninh Thuận	9.67	8.83	Đạt	
39	BKCB7747	Nguyễn Thị Mỹ	Hậu	14/04/1999	Bình Định				Vắng
40	BKCB7748	Cao Minh	Hiền	23/01/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.67	Đạt	
41	BKCB7749	Huỳnh Diệu	Hiền	19/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.5	Đạt	
42	BKCB7750	Huỳnh Thị Ngọc	Hiệp	16/10/2002	Tây Ninh	5.0	7.5	Đạt	
43	BKCB7751	Nguyễn Ngọc	Hòa	09/03/2004	Đồng Nai	9.67	8.33	Đạt	
44	BKCB7752	Trần Quang	Huân	01/01/2004	Cần Thơ	8.67	9.67	Đạt	
45	BKCB7753	Nguyễn Mạnh	Hùng	30/04/2005	Nghệ An				Vắng
46	BKCB7754	Mai Quang	Hưng	21/11/2006	Lâm Đồng				Vắng
47	BKCB7755	Lý Minh	Huy	22/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.0	Đạt	
48	BKCB7756	Nguyễn Chí	Huy	14/01/2000	An Giang	6.33	5.5	Đạt	
49	BKCB7757	Nguyễn Đức	Huy	15/08/1999	Quảng Trị	9.0	9.83	Đạt	
50	BKCB7758	Vũ Ngọc Gia	Huy	28/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.33	Đạt	
51	BKCB7759	Trần Thị Thu	Huyền	07/05/2003	Bình Phước	8.0	6.0	Đạt	
52	BKCB7760	Đường Minh	Hy	28/02/2000	Lâm Đồng	10.0	8.67	Đạt	
53	BKCB7761	Nguyễn Quang	Khải	05/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.33	Đạt	
54	BKCB7762	Võ Tùng	Khánh	26/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	6.67	Đạt	
55	BKCB7763	Trần Lê Đăng	Khoa	30/08/2006	Bến Tre	8.33	6.33	Đạt	
56	BKCB7764	Trần Trung	Kiên	13/06/1999	Bình Phước	8.33	7.67	Đạt	
57	BKCB7765	Phạm Huỳnh Mỹ	Kim	04/11/2005	Khánh Hòa	8.67	9.33	Đạt	
58	BKCB7766	Trương Nguyễn Quỳnh	Lam	28/03/2002	Quảng Nam	9.0	6.0	Đạt	
59	BKCB7767	Hồ Nguyễn Bảo	Lân	11/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.5	Đạt	
60	BKCB7768	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	06/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	6.0	Đạt	
61	BKCB7769	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	14/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	7.0	Đạt	
62	BKCB7770	Sử Nữ Thủy	Linh	07/12/1999	Ninh Thuận	9.67	9.33	Đạt	
63	BKCB7771	Phùng Hồng	Loan	18/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.33	Đạt	
64	BKCB7772	Trần Thị	Loan	25/05/2001	Bình Phước	7.33	7.33	Đạt	
65	BKCB7773	Phạm Thị	Loan	07/05/1986	Hải Dương	9.33	5.83	Đạt	
66	BKCB7774	Nguyễn Lương Thiên	Lộc	03/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.33	Đạt	
67	BKCB7775	Dương Mai Khánh	Ly	29/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	6.0	Đạt	
68	BKCB7776	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	21/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt	
69	BKCB7777	Trịnh Vũ Quỳnh	Mai	07/10/1998	Lâm Đồng	10.0	10.0	Đạt	
70	BKCB7778	Nguyễn Phan Diễm	Mi	21/02/2002	Bình Định	5.67	5.17	Đạt	
71	BKCB7779	Nguyễn Cao Nhật	Minh	24/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	6.0	Đạt	
72	BKCB7780	Phạm Ánh	Minh	01/01/2005	Kiên Giang	8.0	9.33	Đạt	
73	BKCB7781	Safiy	Monire	08/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.33	Đạt	
74	BKCB7782	Nguyễn Thị Trà	My	18/02/2002	Quảng Ngãi	9.67	10.0	Đạt	
75	BKCB7783	Trần Phương	Nam	17/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.5	Đạt	
76	BKCB7784	Trần Thị Tô	Nga	13/03/2001	Nam Định	6.67	7.17	Đạt	
77	BKCB7785	Trần Thị Huỳnh	Ngân	30/09/1999	Quảng Ngãi	9.0	9.17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
78	BKCB7786	Trần Triệu Kim	Ngân	24/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	7.5	Đạt
79	BKCB7787	Trương Thùy Kim	Ngân	21/10/2004	Bình Thuận	4.67	2.33	Không đạt
80	BKCB7788	Võ Thị Bảo	Ngân	14/06/2003	Khánh Hòa			Vắng
81	BKCB7789	Nguyễn Kim Phương	Nghi	22/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.5	Đạt
82	BKCB7790	Nguyễn Mai Gia	Nghi	01/04/2004	Vĩnh Long	9.33	9.5	Đạt
83	BKCB7791	Trần Trọng	Nghĩa	30/07/1992	Bến Tre	6.67	6.0	Đạt
84	BKCB7792	Lê Thị Hồng	Ngọc	23/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.17	Đạt
85	BKCB7793	Trần Trương Ánh	Ngọc	04/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	6.17	Đạt
86	BKCB7794	Cam Nguyễn Khôi	Nguyên	13/10/2006	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.0	3.33	Không đạt
87	BKCB7795	Phùng Đắc Thảo	Nguyên	08/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	9.0	Đạt
88	BKCB7796	Đặng Nguyễn Quốc	Nguyên	04/10/2005	Tây Ninh	6.33	9.33	Đạt
89	BKCB7797	Nguyễn Thy	Nhã	14/02/2003	Kiên Giang	10.0	6.67	Đạt
90	BKCB7798	Lê Thị	Nhâm	13/08/2004	Bắc Giang	5.33	6.17	Đạt
91	BKCB7799	Bùi Thảo	Nhi	10/12/1999	Bình Định	9.0	9.33	Đạt
92	BKCB7800	Bùi Thị Yên	Nhi	08/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	6.17	Đạt
93	BKCB7801	Đậu Xuân	Nhi	18/01/2004	Nghệ An	9.67	6.0	Đạt
94	BKCB7802	Trần Thị Yên	Nhi	10/07/2002	Gia Lai	9.0	7.17	Đạt
95	BKCB7803	Võ Hoàng Yên	Nhi	19/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.67	Đạt
96	BKCB7804	Nguyễn Thị	Nhị	28/04/2004	Bình Định	8.67	9.67	Đạt
97	BKCB7805	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	12/12/2004	Đồng Tháp	8.67	7.5	Đạt
98	BKCB7806	Dương Huỳnh	Như	15/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt
99	BKCB7807	Vũ Thị Quỳnh	Như	05/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	10.0	Đạt
100	BKCB7808	Nguyễn Quỳnh	Nhung	03/12/2004	Bình Định	7.0	9.0	Đạt
101	BKCB7809	Nguyễn Minh	Nhựt	11/09/1995	Tây Ninh	10.0	9.5	Đạt
102	BKCB7810	Võ Thị Tuyết	Nữ	21/10/2003	Phú Yên	5.0	6.5	Đạt
103	BKCB7811	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	25/12/1997	Đắk Lắk	7.67	9.5	Đạt
104	BKCB7812	Hoàng Minh	Phát	16/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	8.67	Đạt
105	BKCB7813	Nguyễn Đức	Phú	25/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.17	Đạt
106	BKCB7814	Hồ Vĩnh	Phúc	14/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	9.0	Đạt
107	BKCB7815	Lưu Đức	Phúc	17/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.17	Đạt
108	BKCB7816	Hồ Minh	Phụng	22/12/1999	Tây Ninh	9.67	9.0	Đạt
109	BKCB7817	Phạm Lê Hoàng	Phước	08/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.67	Đạt
110	BKCB7818	Lê Hoàng	Phương	31/07/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	6.5	Đạt
111	BKCB7819	Nguyễn Thu	Phương	16/09/2003	Lào Cai	9.0	9.17	Đạt
112	BKCB7820	Lê Thị Mỹ	Phương	12/05/2006	Thành Phố Hồ Chí Minh	9.0	6.67	Đạt
113	BKCB7821	Nguyễn Tiến	Quân	08/07/2004	Phú Yên	7.33	7.83	Đạt
114	BKCB7822	Tổng Chiêu	Quân	22/12/2001	Đắk Lắk	7.33	6.33	Đạt
115	BKCB7823	Lê	Quang	22/10/1995	An Giang	9.33	8.5	Đạt
116	BKCB7824	Trần Minh	Quang	05/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	7.0	Đạt
117	BKCB7825	Lục Thành	Quý	18/08/2008	Bắc Ninh	5.0	6.17	Đạt
118	BKCB7826	Đặng Tú	Quyên	13/06/2003	Quảng Ngãi	6.33	7.5	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
119	BKCB7827	Lê Thị Thảo	Quyên	06/06/2004	Thanh Hóa	8.33	4.17	Không đạt	
120	BKCB7828	Nguyễn Ngọc Thanh	Quyên	17/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	6.83	Đạt	
121	BKCB7829	Trần Minh Tú	Quyên	23/08/2004	Đồng Tháp	8.33	6.83	Đạt	
122	BKCB7830	Phạm Xuân	Quyên	02/05/2004	Bình Phước	9.67	9.0	Đạt	
123	BKCB7831	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	29/04/2004	Lâm Đồng	8.0	7.33	Đạt	
124	BKCB7832	Trần Như	Quỳnh	20/04/2004	Bình Phước	9.33	0.33	Không đạt	không e,ppt
125	BKCB7833	Trịnh Thị Thanh	Sang	19/09/2003	Nhật Bản	9.33	8.0	Đạt	
126	BKCB7834	Trần Thị Khánh	Tâm	27/02/2005	Tây Ninh	10.0	8.83	Đạt	
127	BKCB7835	Thiều Quang	Thắng	03/01/2001	Bình Phước	7.67	6.83	Đạt	
128	BKCB7836	Huỳnh Thiện	Thanh	22/06/2006	Thành Phố Hồ Chí Minh	6.0	6.33	Đạt	
129	BKCB7837	Phạm Thị Hồng	Thanh	12/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	6.0	Đạt	
130	BKCB7838	Bùi Danh	Thành	24/12/1979	Nghệ An	8.0	6.17	Đạt	
131	BKCB7839	Nguyễn Phúc	Thành	25/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	7.0	Đạt	
132	BKCB7840	Võ Tấn	Thành	30/06/2004	Bạc Liêu	8.33	9.0	Đạt	
133	BKCB7841	Bùi Ngọc	Thảo	18/11/1999	Lâm Đồng	9.67	8.5	Đạt	
134	BKCB7842	Cao Thị Thanh	Thảo	24/05/2005	Bình Phước	8.33	7.0	Đạt	
135	BKCB7843	Hoàng Thị Thu	Thảo	20/12/1997	Đồng Nai	7.67	7.67	Đạt	
136	BKCB7844	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18/04/2004	Bình Thuận	9.67	9.0	Đạt	
137	BKCB7845	Phan Thị Phương	Thảo	02/06/1999	Lâm Đồng	9.33	9.17	Đạt	
138	BKCB7846	Nguyễn Phạm Minh	Thi	26/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.0	Đạt	
139	BKCB7847	Phạm Minh	Thiên	18/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.67	Đạt	
140	BKCB7848	Dương Hà Minh	Thư	30/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	8.33	Đạt	
141	BKCB7849	Huỳnh Anh	Thư	24/03/2003	Long An	9.33	8.5	Đạt	
142	BKCB7850	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	10/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.5	Đạt	
143	BKCB7851	Tô Ngọc Minh	Thư	05/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	5.0	Đạt	
144	BKCB7852	Võ Nguyễn Anh	Thư	30/09/2005	Quảng Ngãi	8.67	6.17	Đạt	
145	BKCB7853	Lê Hoàng Minh	Thuận	01/06/1997	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
146	BKCB7854	Lê Quốc	Thuận	29/10/2003	Bình Thuận	9.67	8.83	Đạt	
147	BKCB7855	Cao Thị Thanh	Thùy	02/09/2004	Quảng Ngãi	9.33	8.83	Đạt	
148	BKCB7856	Lê Thị Thanh	Thùy	27/02/2005	Ninh Thuận	9.67	9.5	Đạt	
149	BKCB7857	Đỗ Thanh	Thủy	26/06/2003	Quảng Ninh	8.67	7.0	Đạt	
150	BKCB7858	Bùi Thị Thủy	Tiên	07/07/2006	Bình Phước	8.33	7.67	Đạt	
151	BKCB7859	Phan Thủy	Tiên	02/09/2005	Kiên Giang	9.0	7.33	Đạt	
152	BKCB7860	Trần Đình Cẩm	Tiến	26/11/2003	Phú Yên	5.67	7.5	Đạt	
153	BKCB7861	Phan Minh	Tiền	06/05/2005	Bến Tre	9.67	8.0	Đạt	
154	BKCB7862	Nguyễn Thị Xuân	Trâm	13/02/2003	Phú Yên	9.0	8.17	Đạt	
155	BKCB7863	Trương Thị Tú	Trâm	09/06/2004	Đắk Lắk	9.33	7.5	Đạt	
156	BKCB7864	Lê Bảo	Trân	12/05/2005	Trà Vinh	9.67	9.0	Đạt	
157	BKCB7865	Nguyễn Lương Bảo	Trân	28/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.0	Đạt	
158	BKCB7866	Nguyễn Thị Quế	Trân	19/05/2004	Tiền Giang	9.0	7.17	Đạt	
159	BKCB7867	Võ Bửu	Trân	19/04/2003	Phú Yên	9.67	9.0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
160	BKCB7868	Nguyễn Hoài Khánh	Trang	10/10/2005	Khánh Hòa	8.0	9.0	Đạt
161	BKCB7869	Nguyễn Phương	Trang	28/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	9.17	Đạt
162	BKCB7870	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/04/2005	Hậu Giang	9.0	9.33	Đạt
163	BKCB7871	Phạm Lê Huyền	Trang	21/05/2005	Bình Dương	8.0	7.83	Đạt
164	BKCB7872	Phạm Thị Quỳnh	Trang	20/06/2005	Bắc Ninh	9.0	8.67	Đạt
165	BKCB7873	Phạm Thùy	Trang	08/02/2003	Phú Yên	9.67	9.83	Đạt
166	BKCB7874	Cù Thanh Minh	Trí	26/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.17	Đạt
167	BKCB7875	Hồ Minh	Trí	29/09/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.67	Đạt
168	BKCB7876	Huỳnh Tài	Trí	10/02/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	6.5	Đạt
169	BKCB7877	Ngô Kiều Phương	Trinh	18/12/1994	Đồng Nai	6.33	7.17	Đạt
170	BKCB7878	Võ Bá Khánh	Trình	28/02/2005	Bình Định	9.67	8.83	Đạt
171	BKCB7879	Ngô Xuân	Trúc	11/11/2000	Tiền Giang	6.67	7.5	Đạt
172	BKCB7880	Trần Thị Thanh	Trúc	05/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	6.33	Đạt
173	BKCB7881	Trương Thị Cẩm	Tú	24/04/2004	Bình Thuận	7.33	8.5	Đạt
174	BKCB7882	Nguyễn Đăng	Tuân	22/02/2004	Phú Yên	9.0	9.0	Đạt
175	BKCB7883	Nguyễn Anh	Tuấn	21/08/1998	Quảng Ngãi	6.33	7.17	Đạt
176	BKCB7884	Nguyễn Phước Minh	Tuấn	14/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.83	Đạt
177	BKCB7885	Võ Nguyễn Anh	Tuấn	11/05/2003	Đồng Tháp	8.0	9.17	Đạt
178	BKCB7886	Nguyễn Kim	Tường	19/11/2006	Cà Mau	8.0	8.0	Đạt
179	BKCB7887	Lê Doãn	Tuyên	20/07/1998	Gia Lai	6.0	9.67	Đạt
180	BKCB7888	Hoàng Thị Minh	Tuyết	23/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.33	Đạt
181	BKCB7889	Đặng Văn	Ty	01/06/1998	Quảng Ngãi	9.0	9.5	Đạt
182	BKCB7890	Đoàn Nguyễn Yến	Vân	12/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.17	Đạt
183	BKCB7891	Nguyễn Lương Cẩm	Vân	18/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.83	Đạt
184	BKCB7892	Trịnh Thanh	Vàng	10/04/2004	Tây Ninh	8.67	8.17	Đạt
185	BKCB7893	Hồ Ngọc Tường	Vi	19/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.33	Đạt
186	BKCB7894	Phạm Cao	Viên	20/09/1999	Gia Lai	9.67	7.83	Đạt
187	BKCB7895	Nguyễn Thị Thu	Xuân	06/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.33	Đạt
188	BKCB7896	Trần Ngọc Diễm	Xuân	18/01/2003	Long An	8.67	7.0	Đạt
189	BKCB7897	Lưu Như	Ý	17/11/2004	Kiên Giang			Vắng
190	BKCB7898	Trần Thị Như	Ý	02/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	6.83	Đạt
191	BKCB7899	Ngô Trần Kim	Yến	25/08/2005	Bình Dương	10.0	9.33	Đạt
192	BKCB7900	Hoàng Minh	Anh	02/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	6.0	Đạt
193	BKCB7901	Võ Ngọc Bảo	Châu	24/03/2004	Đắk Lắk	10.0	8.5	Đạt
194	BKCB7902	Nguyễn Tiến	Cường	11/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	6.33	Đạt
195	BKCB7903	Nguyễn Hoàng Khả	Hùng	01/11/1999	Đồng Nai			Vắng
196	BKCB7904	Trịnh Ngọc Xuân	Mai	13/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt
197	BKCB7905	Phan Thị Ngọc	Minh	18/04/1986	Long An	8.67	9.67	Đạt
198	BKCB7906	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	06/04/2006	Tây Ninh	7.67	3.17	Không đạt
199	BKCB7907	Lê Quốc	Thái	17/01/2006	Nghệ An	8.0	4.5	Không đạt
200	BKCB7908	Đỗ Phương	Thảo	29/07/2002	Bạc Liêu	9.67	9.17	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
201	BKCB7909	Lê Đình	Tuấn	10/01/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	6.67	Đạt	
202	BKCB7910	Nguyễn Thanh	Vỹ	30/04/1999	Tây Ninh	9.0	5.83	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh: 202

Số thí sinh đạt: 190

Số lượng hiện diện: 194

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam